

LỄ MIT-TINH KỶ NIỆM 59 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG NGÀNH THỦY SẢN (01/4/1959 - 01/4/2018)

Hòa trong không khí sôi nổi của toàn ngành thủy sản Việt Nam, chiều ngày 31/4/2018 Viện nghiên cứu Hải sản đã long trọng tổ chức Lễ Mit tinh Kỷ niệm “59 năm Ngày truyền thống ngành thủy sản (1/4/1959 -

1/4/2018)”. Tham dự Lễ Kỷ niệm gồm có TS. Nguyễn Khắc Bát - Phó Bí thư Đảng ủy, Viện trưởng, các đồng chí lãnh đạo Viện, cùng toàn thể cán bộ, viên chức và lao động thuộc Viện.



Tại Hội nghị, TS. Nguyễn Văn Nguyên - Phó Viện trưởng, Chủ tịch Công đoàn Viện đã đọc diễn văn Kỷ niệm Ngày truyền thống ngành thủy sản 01/4. Diễn văn nhắc lại xuất xứ ngày truyền thống nghề cá, lịch sử và thành tích của ngành Thủy sản, của Viện nghiên cứu Hải sản, khiến các cán bộ viên chức thêm tự hào về truyền thống của ngành và của Viện, đồng thời thể hiện lòng tri ân của cán bộ viên chức Viện nghiên cứu Hải sản với các thế hệ đi trước đã nỗ lực gây dựng truyền thống Viện để các thế hệ sau tiếp nối.

Viện nghiên cứu Hải sản là đơn vị nghiên cứu nghề cá biển trực thuộc Bộ, phạm vi hoạt động trên toàn vùng biển Việt Nam, gắn kết chặt chẽ và luôn đồng hành với các cơ quan quản lý và ngư dân 28 tỉnh ven biển; trong suốt những năm qua Viện đã có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển chung của toàn ngành thủy sản.

Tuy nhiên, bước sang giai đoạn tới, bên cạnh những thuận lợi, ngành thủy sản đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức

rất lớn: Nguồn lợi hải sản có chiều hướng suy giảm, áp lực khai thác ngày càng gia tăng, chất lượng nguồn lợi, đặc biệt là các loài có giá trị kinh tế suy giảm nhanh; yêu cầu của các thị trường xuất khẩu ngày càng khắt khe; khai thác, tổ chức sản xuất trên biển chưa hợp lý, còn gặp nhiều bất cập, thiếu đồng bộ theo chuỗi giá trị... nên giá trị sản phẩm và kim ngạch xuất khẩu còn chưa tương xứng với tiềm năng của nghề cá biển.

Đứng trước những khó khăn, thách thức của ngành, đòi hỏi mỗi cán bộ, viên chức và lao động cần tiếp tục phát huy truyền thống của Viện, của Ngành, phấn đấu, nỗ lực nhiều hơn nữa, nâng cao năng lực chuyên môn, tập trung tư duy sâu, tư vấn những giải pháp thiết thực, mang tầm chiến lược phục vụ yêu cầu quản lý của ngành và thực hiện chiến lược biển đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030. Những nghiên cứu của Viện trong thời gian tới cần bám sát đề án tái cơ cấu ngành thủy sản, theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Ưu tiên các nghiên cứu

có tính ứng dụng phục vụ quản lý, chỉ đạo sản xuất của ngành; ứng dụng chuyển giao hiệu quả các công nghệ tiên tiến về khai thác, bảo quản sau thu hoạch và nuôi biển vào thực tiễn sản xuất.



Một số hình ảnh hoạt động của Lễ Mit tinh kỷ niệm ngày truyền thống Ngành Thủy sản:



Vũ Thị Thu Hằng

HỘI NGHỊ SƠ KẾT 6 THÁNG ĐẦU NĂM, PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018

Ngày 29/6/2018, Viện nghiên cứu Hải sản đã long trọng tổ chức Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm. Tham dự Hội nghị có Lãnh đạo Viện, Trưởng - Phó các đơn vị, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo cùng toàn thể cán bộ, lao động của Viện, Phân Viện nghiên cứu Hải sản phía Nam họp trực tuyến. TS. Nguyễn Khắc Bát, Viện trưởng; ThS. Nguyễn Việt Nghĩa, Phó Viện trưởng và TS. Nguyễn Văn Nguyên, Phó Viện trưởng, Chủ tịch Công đoàn đồng chủ trì Hội nghị.



Phó Viện trưởng Nguyễn Việt Nghĩa
phát biểu tại Hội nghị

Tại Hội nghị, đồng chí Nguyễn Việt Nghĩa, Phó Viện trưởng đã báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2018 và

phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm của Viện. Hoạt động nghiên cứu KH&CN trong 6 tháng đầu năm 2018 tiếp tục duy trì xu thế đi lên, phù hợp với tình hình thực tế, bám sát đề án tái cơ cấu ngành thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Trong 6 tháng đầu năm 2018, các hoạt động của Viện được triển khai tốt và hoàn thành khối lượng công việc lớn. Về công tác tổ chức hành chính, Viện đã tập trung sắp xếp các phòng làm việc, hoàn thành đề án tinh gọn bộ máy theo Nghị quyết 18,19. Về công tác khoa học công nghệ, các nhiệm vụ KH&CN triển khai tốt, dần đi vào nề nếp, mở mới thành công 11 nhiệm vụ KH&CN. Về kế hoạch tài chính, thực hiện chỉ tiêu kinh phí bộ máy và kinh phí các nhiệm vụ đúng chế độ chính sách của Nhà nước.

Hội nghị đã tập trung thảo luận những ý kiến đóng góp của toàn thể cán bộ, viên chức về công tác chuyên môn, tổ chức cán bộ, chế độ chính sách, đào tạo sau đại học... và phương hướng nhiệm vụ của Viện 6 tháng cuối năm 2018.

Khối lượng công việc còn lại trong 6 tháng cuối năm còn rất lớn, đòi hỏi toàn thể Viện phải lên kế hoạch tốt và quyết liệt thực hiện để đảm bảo các tiến độ và mục tiêu kế hoạch đề ra. Một số việc chính cần tập trung giải quyết.

1. Tiếp tục bám sát yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về khoa học công nghệ để tiếp tục tư vấn những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Viện cho Bộ, đặc biệt những vấn đề Bộ đang quan tâm hiện nay như thẻ vàng xuất khẩu thủy sản, khôi phục nguồn lợi, hiệp định Vịnh Bắc Bộ.

2. Các nhiệm vụ KH&CN do Viện chủ trì cần tập trung hoàn thành theo thuyết minh đề cương, đảm bảo chất lượng, số lượng và tiến độ tài chính. Những nhiệm vụ KH&CN chậm tiến độ nghiệm thu cần có kế hoạch nghiệm thu đúng hạn.

3. Xây dựng kế hoạch tiếp cận đa dạng nguồn kinh phí từ các nhiệm vụ KH&CN địa phương và từ các nhiệm vụ hợp tác quốc tế.

4. Thúc đẩy công tác xuất bản, ưu tiên đăng tải các bài báo quốc tế.

5. Hoàn thành bộ quy chế quản lý về khoa học công nghệ, tổ chức hành chính, tài chính trong quý 3/2018.

6. Thúc đẩy công tác tài chính, đảm bảo thực hiện tài chính đúng tiến độ và đúng quy định.

Cũng tại Hội nghị, Q. trưởng phòng Tổ chức Hành chính đã đọc Quyết định Bổ nhiệm bà Phạm Thị Duyên Hương, Quyền Trưởng phòng Phòng Tổ chức, Hành chính giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức, Hành chính; Điều động, bổ nhiệm ông Lại Duy Phương, Phó Giám đốc Trung tâm Tư vấn, sản xuất, dịch vụ và chuyển giao công nghệ hải sản, giữ chức vụ Quyền Giám đốc Trung tâm Phát triển nghề cá Vịnh Bắc Bộ; Điều động, bổ nhiệm ông Phạm Văn Long, Phó Trưởng phòng Nghiên cứu công nghệ sau thu hoạch, giữ chức vụ Trưởng phòng Tư vấn, dịch vụ khoa học công nghệ hải sản phía Nam, thuộc Phân Viện nghiên cứu Hải sản phía Nam; Tiếp tục giao Quyền Trưởng phòng Phòng Khoa học, Hợp tác quốc tế và Đào tạo; Bổ nhiệm ông Nguyễn Hữu Hoàng, nghiên cứu viên Phòng nghiên cứu công nghệ sinh học biển, giữ chức vụ Phó Trưởng Phòng nghiên cứu công nghệ sinh học biển; Bổ nhiệm bà Đặng Thị Minh Thu, chuyên viên Phòng KH, HTQT & ĐT, giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Phòng KH, HTQT & ĐT; Điều động bà Đoàn Thu Hà, Phó Trưởng phòng Phòng KH, HTQT & ĐT, giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Phòng Tổ chức, Hành chính; Điều động bà Nguyễn Thị Oanh, Kế toán trưởng Trung tâm Tư vấn, sản xuất, dịch vụ và chuyển giao công nghệ hải sản, giữ chức vụ Kế toán trưởng Trung tâm Phát triển Nghề cá Vịnh Bắc Bộ. Thời gian bổ nhiệm là 5 năm kể từ ngày 01/7/2018.



Viện trưởng Nguyễn Khắc Bát trao Quyết định bổ nhiệm cho các cá nhân

Tiếp nối chương trình của Hội nghị, đồng chí Nguyễn Văn Nguyên - Phó Viện trưởng, Chủ tịch công đoàn đã trình bày báo cáo rà soát việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị CBVC - VC năm 2018. Đảng ủy, Lãnh đạo và Công đoàn Viện nghiên cứu Hải sản đã nghiêm túc kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị cán bộ viên chức năm 2018.

Kết thúc Hội nghị, TS. Nguyễn Khắc Bát tóm tắt kết luận của Hội nghị. Đồng chí đánh giá cao nỗ lực của các đơn vị, các cá nhân, các phòng tham mưu và ghi nhận những thành tích đã đạt được. Đồng chí cũng gửi lời chúc sức khỏe đến toàn thể cán bộ Viện và mong mọi người đoàn kết, cùng đồng lòng cố gắng hoàn thành tốt các nhiệm vụ chung./.

Vũ Thị Thu Hằng

HỘI THẢO THỰC HIỆN GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC CẢNH BÁO CỦA EU VỀ KHAI THÁC IUU TẠI TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Thực hiện Quyết định số 4840/QĐ-BNN-TCTS ngày 23/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kế hoạch thực hiện một số giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về khai thác IUU, Quyết định số 793/QĐ-UBND, ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp khắc phục cảnh báo của Ủy ban châu Âu về chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Phân Viện Nghiên cứu Hải sản phía Nam, Chi cục Thủy sản và Công ty TNHH Hỗ trợ Đội tàu Biển Đông (East Sea

Fleet Support Co. Ltd) phối hợp tổ chức Hội thảo về thực hiện giải pháp khắc phục cảnh báo của Ủy ban châu Âu chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) trong ngày 5 và ngày 6 tháng 6 năm 2018 tại hội trường UBND xã Phước Tỉnh thuộc huyện Long Điền và thành phố Vũng Tàu. Mục đích Hội thảo là tuyên truyền các quy định của Việt Nam và thế giới về chống khai thác bất hợp pháp, lắng nghe ý kiến của bà con ngư dân, thảo luận về giải pháp phù hợp ở Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tham dự Hội thảo có đại diện các Sở, ban ngành: Sở Ngoại vụ, BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế Thành phố Vũng Tàu, Phòng Nông nghiệp

và Phát triển nông thôn huyện Long Điền, các cán bộ quản lý lĩnh vực hải sản của các địa phương và bà con ngư dân trên địa bàn tỉnh. Nội dung Hội thảo trình bày các vấn đề liên quan đến chống khai thác bất hợp pháp của trung ương, địa phương và các quy

định quốc tế; giải pháp về mặt công nghệ nhằm nâng cao năng suất khai thác, chất lượng sản phẩm sau khai thác đồng thời giảm thiểu lao động đi biển để giúp ngư dân khai thác hải sản gắn với nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế.



Hình ảnh tại Hội thảo

Tại Hội thảo, bà con ngư dân cho rằng cần có sự hỗ trợ của Nhà nước tại các vùng chông lán, vùng gần đường lãnh hải để bà con khai thác an tâm vì rất nhiều tàu thuyền bị bắt khi đang ở vùng biển Việt Nam và đồng tình về việc lắp đặt thiết bị giám sát tàu cá (VMS) nhưng phải để họ lựa chọn loại thiết bị phù hợp, yêu cầu Nhà nước hỗ trợ một phần như trả lãi suất ngân hàng khi mua thiết bị ở dạng trả góp. Nhiều ngư dân cho rằng trang bị VMS như một hộp đen sẽ có tác dụng như bằng chứng khi đang ở trong vùng biển Việt Nam mà bị tàu nước ngoài bắt giữ. Đại diện Phân Viện nghiên cứu Hải sản phía Nam và đại diện Công ty Hỗ trợ Đội tàu Biển Đông thông tin cho bà con ngư dân biết nhiều công nghệ tiên tiến hiện nay có thể giúp ngư dân nâng cao năng suất khai thác đồng thời giảm lao động và tăng chất lượng sản phẩm như công nghệ bảo quản bằng nước đá sệt, công nghệ thăm dò đàn cá bằng vệ tinh, công nghệ đóng tàu đánh cá mới giúp tăng tốc độ tàu và giảm chi phí nhiên liệu,

công nghệ đèn LED sản xuất tại Việt Nam vừa rẻ, vừa tiết kiệm nhiên liệu và hiệu quả, hệ thống hỗ trợ khai thác bằng thủy lực, công nghệ khai thác cá ngừ bằng lưới vây đuôi,... việc áp dụng các công nghệ mới sẽ giúp tàu khai thác hiệu quả hơn, chất lượng sản phẩm tốt hơn sẽ giúp bà con không phải vi phạm các vùng biển nước ngoài mà vẫn đảm bảo thu nhập, các công nghệ mới cũng giúp ngư dân đủ năng lực để tham gia các ngư trường quốc tế nhằm giảm áp lực khai thác vùng biển trong nước.

Kết thúc Hội thảo, bà con ngư dân đồng tình với quan điểm bắt buộc phải trang bị thiết bị VMS và VMS là một thiết bị có thể giúp cải thiện vấn đề IUU nhưng cần Nhà nước hỗ trợ lãi vay trả góp, ngư dân cũng rất quan tâm đến các công nghệ tiên tiến nhưng cần xem xét chi phí của các công nghệ này cho phù hợp để áp dụng ở Bà Rịa Vũng Tàu nói riêng và Việt Nam nói chung một cách hiệu quả nhất.

Dinh Xuân Hùng

VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN THAM DỰ HỘI CHỢ “MARKET PLACE” 25 NĂM ACIAR TẠI VIỆT NAM VÀ HỘI CHỢ “NÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG”

Ngày 11/4/2018, tại Bảo tàng lịch sử quốc gia, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội đã diễn ra Hội chợ “Market Place”, đây là sự kiện để trình bày các kết quả từ quan hệ hợp tác nghiên cứu mang lại sự đổi thay cho ngành nông nghiệp và sinh kế nông thôn ở Việt Nam. Năm 2018 cũng là năm đánh dấu 45 năm quan hệ hợp tác Việt Nam - Australia và kỷ niệm 25 năm Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp quốc tế Australia (ACIAR) hoạt động tại Việt Nam trong lĩnh vực hợp tác nghiên cứu và nâng cao năng lực.

Hội chợ “Market place” đã thu hút hơn 300 khách mời từ Bộ, ban, ngành cấp quốc gia, lãnh đạo cấp tỉnh, các nhà nghiên cứu Việt Nam và quốc tế, các nhà tài trợ, các tổ chức phi chính phủ và khu vực tư nhân. Hội chợ được khai mạc và phát biểu bởi Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Đại sứ Australia tại Việt Nam, Giám đốc điều hành ACIAR và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Australia.

Tại Hội chợ, Thứ trưởng Lê Quốc Doanh cùng các đại biểu trong nước và quốc tế đã thăm gian hàng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với sự tham gia của Viện. Đây là dịp để Viện có cơ hội giới thiệu về tổ chức, thành tựu nghiên cứu khoa học và cơ hội mở rộng các mối quan hệ và tìm kiếm đối tác trong lĩnh vực nghiên cứu nghề cá biển.

Ngày 12/4, Viện nghiên cứu Hải sản tiếp tục tham dự Hội chợ “Nông nghiệp - Thương mại vùng Đồng bằng sông Hồng” tại Nhà thi đấu Thể dục Thể thao tỉnh Ninh Bình. Đây là hoạt động nằm trong chuỗi các sự kiện kỷ niệm 1050 năm Nhà nước Đại Cồ Việt (968-2018) và Lễ hội Hoa Lư năm 2018.



Thứ trưởng Lê Quốc Doanh phát biểu khai mạc Hội chợ

Hội chợ là hoạt động có ý nghĩa thiết thực cả về kinh tế, chính trị, xã hội nhằm thúc đẩy quan hệ kinh tế, thương mại trong vùng, miền, mở rộng hợp tác các địa phương trên cả nước cũng như các doanh nghiệp nước ngoài.

Viện nghiên cứu Hải sản tham dự Hội chợ với 02 gian hàng tiêu chuẩn diện tích 18m² giới thiệu các công trình nghiên cứu khoa học, các kết quả đã ứng dụng vào sản xuất; triển lãm trưng bày và phát các ấn phẩm nghiên cứu khoa học (Tuyển tập nghiên cứu nghề cá biển từ tập I-VI, các tuyển tập nghiên cứu nghề cá biển đăng trên Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn từ năm 2013 đến nay; Bản tin, posters giới thiệu các quy trình công nghệ nổi bật của Viện có giá trị ứng dụng vào thực tiễn sản xuất); trình chiếu các video giới thiệu các quy trình công nghệ; Đặc biệt, Viện giới thiệu các sản phẩm của Xưởng Thực nghiệm - Viện nghiên cứu Hải sản và các sản phẩm hợp tác nghiên cứu của Viện với doanh nghiệp như Nước mắm Cát Hải, Tập đoàn Sao Mai.



Gian hàng của Viện nghiên cứu Hải sản

Ngay trong buổi tối khai mạc, gian trưng bày của Viện luôn thu hút đông đảo nhân dân và du khách quan tâm tìm hiểu, trao đổi thông tin.

Với quy mô 250 gian hàng tiêu chuẩn, Hội chợ diễn ra từ ngày 12 - 18/4 giới thiệu, quảng bá các thương hiệu hàng hóa, dịch vụ của các tỉnh khu vực Đồng bằng sông Hồng nói riêng và cả nước nói chung. Đặc biệt là khơi dậy tiềm năng về công, nông nghiệp (trong đó có thủy hải sản) của khu vực. Hội chợ tạo cơ hội cho Viện và các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ, các làng nghề giao thương, học tập trao đổi kinh nghiệm, hợp tác phát triển kinh tế, giới thiệu quảng bá thương hiệu, sản phẩm, tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường, nâng cao năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh; tôn vinh những sản phẩm công, nông nghiệp tiêu biểu./.

Đoàn Thu Hà

LỄ KHỞI ĐỘNG THẢ GIỐNG TÁI TẠO NGUỒN LỢI HẢI SẢN TRONG VỊNH BẮC BỘ TẠI ĐÔNG HƯNG, TRUNG QUỐC

Chiều ngày 08/5/2018 tại thành phố Đông Hưng, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Đại diện ngành nông nghiệp 2 nước Việt Nam và Trung Quốc đã tổ chức Lễ Khởi động thả giống tái tạo nguồn lợi hải sản trong vịnh Bắc Bộ.

Khoảng trên 40 triệu con giống đã được thả trong đó có nhiều loài thủy sản có giá trị kinh tế cao. Đây là hoạt động nhằm tuyên truyền ngư dân 2 nước Việt - Trung ý thức được bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong vịnh Bắc Bộ, tránh khai thác hủy

diệt, gia tăng lợi ích thủy sản và thu nhập cho người dân.



Lễ khởi động thả giống tái tạo nguồn lợi hải sản trong vịnh Bắc Bộ



Lãnh đạo ngành nông nghiệp 2 nước Việt Nam - Trung Quốc khai mạc và thả cá tại buổi lễ



Viện trưởng Viện nghiên cứu Hải sản thả cá tại buổi lễ

Tham dự buổi Lễ Khởi động thả giống tái tạo nguồn lợi hải sản trong vịnh Bắc Bộ còn có sự hiện diện các đơn vị liên quan của 2 nước, trong đó có Viện nghiên cứu Hải sản Việt Nam. Hoạt động này có ý nghĩa thiết thực để triển khai Hiệp định nghề cá ở vịnh Bắc Bộ được ký kết 2000, qua đó tạo ra việc

thay đổi về chất theo hướng tích cực tạo điều kiện cho 2 bên có cơ sở thúc đẩy hợp tác nhằm phát triển nguồn lợi hải sản, duy trì ổn định trong Vịnh và phát triển mối quan hệ song phương giữa 2 nước Việt Nam - Trung Quốc.

Nguyễn Duy Thành

HỘI THẢO TRIỂN KHAI DỰ ÁN TIẾP CẬN HỆ SINH THÁI CHO NGHỀ CÁ BIỂN BỀN VỮNG

Ngày 18 và 19 tháng 6 năm 2018, Viện nghiên cứu Hải sản phối hợp với Trung tâm Môi trường và Khoa học nghề cá biển (CEFAS), Vương quốc Anh tổ chức Hội thảo triển khai dự án nhằm rà soát thực trạng dữ liệu về nguồn lợi hải sản, hoạt động nghề cá, đa dạng sinh học, hải dương học, kinh tế xã hội nghề cá và chính sách nghề cá.

Hội thảo được tổ chức trong khuôn khổ dự án Tiếp cận hệ sinh thái cho nghề cá biển bền vững và đa dạng sinh học ở Việt Nam thuộc Chương trình Kết nối xây dựng môi trường nghiên cứu do quỹ Newton Việt Nam tài trợ và Viện nghiên cứu Hải sản là đơn vị chủ trì thực hiện.



Toàn cảnh Hội thảo

Quản lý nghề cá biển dựa trên tiếp cận hệ sinh thái là một trong những hướng quản lý nghề cá mang tính toàn diện, đã được nhiều nước trên thế giới và trong khu vực áp dụng. Nguyên tắc quản lý nghề cá dựa trên hệ sinh

thái là cân bằng giữa khả năng đáp ứng của hệ sinh thái và nhu cầu sử dụng của con người. Ở nước ta, một số khía cạnh tiếp cận hệ sinh thái trong quản lý nghề cá đã được nghiên cứu, áp dụng vào thực tiễn quản lý như quản lý nghề khai thác cá ngừ đại dương ở các tỉnh Trung Bộ, nghề khai thác ghe xanh ở Kiên Giang, mô hình đồng quản lý các bãi ngao ở Bến Tre, mô hình quản lý khu bảo vệ biển Quy Nhơn... Tuy nhiên, những nghiên cứu này còn rời rạc, chưa được nghiên cứu toàn diện và áp dụng đồng bộ vào thực tiễn.



Đại diện CEFAS chụp ảnh kỷ niệm cùng Ban Lãnh đạo và các nhà khoa học của RIMF

Hội thảo là cơ hội tốt để các nhà khoa học của Viện và CEFAS cùng nhau chia sẻ kỹ năng và phương pháp thu thập, phân tích, đánh giá tổng hợp dữ liệu về các nhóm nguồn lợi hải sản chính và những thông tin sinh học cơ bản phục vụ quản lý nghề cá trong vùng biển Việt Nam.

Đặng Thị Minh Thu

HỘI THẢO HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ “CÁ ĐUỐI, CÁ MẬP” TẠI THÁI LAN

Từ ngày 5 đến ngày 9 tháng 6 năm 2018 tại tỉnh Samut Prakan - Thái Lan, Ban đào tạo thuộc Trung tâm Phát triển Nghề cá Đông Nam Á (SEAFDEC/TD) đã tổ chức Hội thảo “Tập huấn sử dụng mô hình sản lượng trên lượng bổ sung (YPR) để đánh giá quần đàn cá đuối, cá mập”. Mục tiêu của Hội thảo nhằm tăng cường phát triển nguồn nhân lực trong việc đánh giá quần đàn cá đuối, cá mập cho các nhà nghiên cứu và các nhà quản lý thuộc các nước thành viên của Trung tâm Phát triển Nghề cá Đông Nam Á (SEAFDEC). Đồng thời tăng cường thông tin về quần đàn các loài cá đuối, cá mập phân bố trong khu vực và thiết lập mạng lưới các nhà khoa học nghiên cứu đánh giá nguồn lợi cá đuối, cá mập trong khu vực Đông Nam Á.

Thành phần tham dự Hội thảo có các giảng viên, các chuyên gia đến từ Trường đại học Hokkaido Nhật Bản, Đại học Kasetsart, Đại học Ubon Ratchathani, Đại học Rambhai Bami Rajabhat Thái Lan, các chuyên gia của Trung tâm Phát triển Nghề cá Đông Nam Á (SEAFDEC); đại diện phía Việt Nam có ông Lê Hữu Tuấn Anh (Tổng cục Thủy Sản) và ThS. Cao Văn Hùng, Trưởng phòng nghiên cứu Nguồn lợi và Bảo tồn biển (Phân Viện nghiên cứu Hải sản phía Nam) và các nhà quản lý nguồn lợi, các nhà khoa học, các chuyên gia về cá mập, cá đuối đến từ các nước trong khu vực Đông Nam Á gồm có Việt Nam, Lào, Thái Lan, Campuchia, Myama, Indonexia, Malaysia và Philipin.



Các giảng viên và thành viên đến từ các nước trong khu vực Đông Nam Á tham dự Hội thảo

Nội dung chương trình tập huấn gồm học tập lý thuyết và thực hành về phương pháp xác định các thông số sinh trưởng, các chỉ số đầu vào cho mô hình đánh giá sản lượng trên lượng bổ sung (YRP). Trong buổi cuối khóa của lớp tập huấn, các học viên của các nước tham dự và các chuyên gia cùng thảo luận xác định nhu cầu về thu thập số liệu cá đuối,

cá mập ở các nước thành viên trong khu vực Đông Nam Á và xác định nguồn kinh phí hỗ trợ cho hoạt động thu mẫu cũng như thống nhất được cách viết báo cáo đánh giá sản lượng trên lượng bổ sung đối với các loài cá mập, cá đuối chiếm ưu thế trong sản lượng khai thác của từng quốc gia thành viên SEAFDEC.



Ông Kom Silapajanh - Tổng Thư ký SEAFDEC
phát biểu khai mạc hội thảo



Các học viên tham dự học lý thuyết tại lớp học



Các nhóm thực hành phương pháp xử lý số liệu



Các học viên thảo luận phương pháp xử lý số liệu
tại lớp học

Qua 5 ngày học tập và thảo luận các học viên đã tiếp thu được nhiều kiến thức bổ ích để vận dụng vào công việc thu thập, đánh giá sản lượng và nguồn lợi cá đuối, cá mập ở vùng biển Đông Nam Á trong thời gian tới

có hiệu quả hơn; hoạt động này góp phần cho sự phát triển bền vững nghề cá các nước Đông Nam Á.

Cao Văn Hùng
Viện nghiên cứu Hải sản phía Nam

HỘI THẢO KHOA HỌC THANH NIÊN VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN LẦN THỨ 12 NĂM 2018

Thực hiện kế hoạch công tác đoàn và phong trào thanh niên năm 2018; Chào mừng 87 năm Ngày Thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931 - 26/3/2018), 59 năm Ngày Truyền thống ngành Thủy sản Việt Nam (01/4/1959 - 01/4/2018), ngày 29/3/2018 được sự quan tâm và ủng hộ của Đảng ủy, Lãnh đạo Viện, Đoàn Viện nghiên cứu Hải sản đã tổ chức Hội thảo khoa học lần

thứ 12 năm 2018 cho toàn thể đoàn viên, thanh niên của đơn vị. Hội thảo nhằm trao đổi thông tin, đánh giá, công bố các kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ, thúc đẩy tinh thần thi đua trong công tác nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ của các cán bộ đoàn viên, thanh niên trong Viện. Tới dự Hội thảo có đ/c Lê Thị Cúc - đại diện của Thành đoàn Hải Phòng, đ/c chí Lê Thị Thùy Trang -

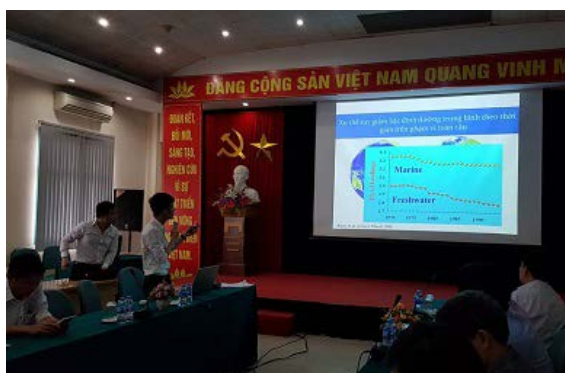
Ủy viên BTV Quận đoàn Ngô Quyền. Tham dự và chủ trì Hội nghị có TS. Nguyễn Văn Nguyên - Phó Viện trưởng Viện nghiên cứu Hải sản; ThS. Nguyễn Hoàng Minh - Quyền GD trung tâm Dự báo ngư trường, TS. Nguyễn Hữu Hoàng Phòng NC Công nghệ sinh học biển và đ/c Vũ Thế Thảo - Bí thư Đoàn thanh niên Viện.

Đã có 06 báo cáo trình bày về các phần mềm, phương pháp xử lý số liệu, phương pháp tra cứu tài liệu, phương pháp trình bày trong các văn bản, báo cáo khoa học. Các báo

cáo đã cung cấp nhiều thông tin mới, bổ ích cho các cán bộ khoa học trẻ.



Toàn cảnh Hội thảo



Báo cáo viên trình bày tại Hội nghị



Đại diện Thành đoàn, Quận đoàn tham dự Hội thảo

Sau 1/2 ngày làm việc sôi nổi và nghiêm túc, các báo cáo đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp, thảo luận của các đại biểu, đặc biệt là của các đoàn viên, thanh niên... Phó Viện trưởng Nguyễn Văn Nguyên cũng đánh giá cao sự nỗ lực của từng đoàn viên tham gia trình bày và mong sẽ duy trì được tinh thần này hơn nữa trong những dịp sắp tới. Giải Nhất thuộc về đ/c Phạm Thị Mát - Phòng Nghiên cứu Công nghệ sinh học biển, giải Nhì đ/c Lưu Ngọc Thiện - Trung tâm Môi trường biển, giải Ba đ/c Đàm Tuấn Anh Phòng Nghiên cứu Nguồn lợi biển.

trao đổi học thuật, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác nghiên cứu khoa học; Tiếp tục thực hiện Nghị quyết của Đoàn Viện: “Gắn hoạt động đoàn với công tác chuyên môn của đơn vị”.



Trao giải cho 03 báo cáo viên xuất sắc

Đoàn Thanh niên

Hội nghị là một trong những hoạt động chào mừng Tháng thanh niên do Đoàn Viện tổ chức. Đây cũng là dịp để các cán bộ trẻ

HỘI THẢO GÓP Ý TIÊU CHUẨN VIỆT NAM VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG THIẾT BỊ BẢO QUẢN CÁ NGỪ ĐẠI DƯƠNG BẰNG ĐÁ SỆT TRÊN TÀU CÂU CÁ NGỪ VỎ GỖ

Sáng ngày 03/4/2018, tại Viện nghiên cứu Hải sản Hội đồng Khoa học và Đào tạo Viện đã tổ chức Hội thảo góp ý cho (1) “Dự thảo TCVN Quy trình bảo quản sản phẩm trên tàu khai thác hải sản xa bờ” thuộc dự án xây dựng TCVN và (2) “Nghiên cứu thiết kế hệ thống thiết bị bảo quản cá ngừ đại dương bằng đá sệt trên tàu câu cá ngừ đại dương vỏ gỗ”, do ThS. Nguyễn Xuân Thi làm Chủ

nhiệm. Tới dự Hội thảo có các chuyên gia lĩnh vực khai thác, bảo quản sau thu hoạch, các thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các đại biểu và các cán bộ khoa học Phòng Nghiên cứu Công nghệ Sau thu hoạch, Phòng Nghiên cứu Công nghệ Khai thác. ThS. Nguyễn Viết Nghĩa, Phó Viện trưởng chủ trì Hội thảo.



Chủ nhiệm nhiệm vụ và thành viên dự án trình bày tại Hội thảo

Tại Hội nghị, ThS. Nguyễn Xuân Thi - Chủ nhiệm dự án đã trình bày Dự thảo TCVN “Quy trình bảo quản sản phẩm trên tàu khai thác hải sản xa bờ” thuộc dự án “Xây dựng TCVN: Quy trình bảo quản sản phẩm trên tàu khai thác hải sản xa bờ” với những nội dung chính: phạm vi áp dụng; tài liệu viện dẫn; thuật ngữ và định nghĩa; những yêu cầu kỹ thuật chung và các bước thực hiện. Tiếp đến là phần trình bày của KS. Đặng Văn An, thành viên thực hiện dự án trình bày báo cáo chuyên đề: “Nghiên

cứu thiết kế hệ thống thiết bị bảo quản cá ngừ đại dương bằng đá sệt trên tàu câu cá ngừ đại dương vỏ gỗ” thuộc đề tài “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ bảo quản cá ngừ đại dương bằng đá sệt trên tàu vỏ gỗ” với những nội dung chính: mục đích, yêu cầu thiết kế, thuyết minh thiết kế (giới thiệu về đá sệt, tính toán cân bằng nhiệt, tính toán chọn máy nén, dàn ngưng, dàn bay hơi và thiết bị phụ trợ, bố trí hệ thống máy đá sệt trên tàu câu cá ngừ vỏ gỗ) bản vẽ thiết kế, tài liệu tham khảo.



Xử lý, bảo quản cá trên tàu khai thác hải sản xa bờ

Hội thảo cũng được nghe các ý kiến góp ý của các chuyên gia, các đại biểu về các nội dung của 02 báo cáo. Các ý kiến góp ý rất hữu ích nhằm giúp Ban Chủ nhiệm đề tài, dự án hoàn thiện các báo cáo, làm cơ sở cho việc thực hiện các bước tiếp theo.

Kết luận tại Hội thảo, Phó Viện trưởng Nguyễn Việt Nghĩa đã đánh giá cao sự chuẩn

bị chu đáo của các thành viên thực hiện, đồng thời yêu cầu Ban Chủ nhiệm đề tài, dự án tiếp thu các ý kiến của các chuyên gia, các đại biểu để chỉnh sửa, bổ sung các báo cáo cho hoàn thiện hơn.

Vũ Thị Thu Hằng

HỘI THẢO TRIỂN KHAI DỰ ÁN “SẢN XUẤT MỘT SỐ THỰC PHẨM CHỨC NĂNG TỪ CÁ NÓC”

Sáng ngày 27/4/2018, tại Viện nghiên cứu Hải sản Hội đồng Khoa học và Đào tạo Viện đã tổ chức Hội thảo triển khai Dự án sản xuất thử nghiệm thuộc Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến đến năm 2020, dự án “Sản xuất một số thực phẩm chức năng từ cá nóc Việt Nam”. Dự án được phối hợp với Viện Dinh dưỡng Quốc gia và Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Quảng Ninh. TS. Nguyễn Khắc Bát, Viện trưởng chủ trì Hội thảo.



Cá nóc nguyên liệu



Chủ nhiệm dự án trình bày tại Hội thảo

Tại Hội nghị, KS. Vũ Xuân Sơn - Chủ nhiệm dự án đã trình bày mục tiêu chung, nội dung nghiên cứu, sản phẩm cũng như kế hoạch và giải pháp thực hiện các nội dung của dự án. Mục tiêu chung của dự án là hoàn thiện công nghệ, thiết bị và sản xuất một số thực phẩm chức năng từ cá nóc, có tác dụng nâng cao thể lực và phục hồi sức khỏe người bệnh.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội thảo, Viện trưởng Nguyễn Khắc Bát đã đánh giá đây là đề tài hay, một hướng đi thiết thực, khai thác nguồn nguyên liệu từ thiên nhiên mà hiện đang cấm và hạn chế sử dụng. Viện trưởng cũng chỉ đạo Ban Chủ nhiệm cần quan tâm nguồn nguyên liệu đầu vào, ưu tiên thiết lập mạng lưới thu gom; Tối ưu hóa quá trình thủy phân; Xây dựng kiểm nghiệm độc tố; Dự án cần xây dựng đội ngũ cán bộ ý thức cao về việc sản phẩm sản xuất phục vụ cho con người; Phối hợp chặt chẽ giữa các bên, đặc biệt tăng cường hợp tác với Nhật. Bên cạnh đó, Ban Chủ nhiệm dự án cần có văn bản báo cáo với Bộ về việc thu gom cá nóc phục vụ cho việc triển khai dự án sản xuất thử nghiệm.

Vũ Thị Thu Hằng

HỘI THẢO TRIỂN KHAI DỰ ÁN “SẢN XUẤT SURIMI VÀ MỘT SỐ SẢN PHẨM CHẾ BIẾN SURIMI TỪ MỰC”

Chiều ngày 27/4/2018, tại Viện cũng diễn ra Hội thảo triển khai Dự án Sản xuất thử nghiệm “Sản xuất surimi và một số sản phẩm chế biến surimi từ mực”



Chủ nhiệm dự án trình bày tại Hội thảo

Tại Hội nghị, ThS. Phan Thị Hương - Chủ nhiệm dự án đã trình bày mục tiêu chung, nội dung nghiên cứu, sản phẩm cũng như kế hoạch và giải pháp thực hiện các nội dung của dự án. Mục tiêu chung của dự án là hoàn thiện công nghệ, thiết bị, sản xuất thử nghiệm surimi và một số sản phẩm chế biến từ surimi mực đại dương bằng công nghệ enzyme phục vụ nhu cầu thị trường. Về nội

phẩm chế biến surimi từ mực” do ThS. Phan Thị Hương làm Chủ nhiệm. Phó Viện trưởng Nguyễn Viết Nghĩa chủ trì Hội thảo.

nội dung nghiên cứu, dự án tập trung thực hiện 5 nội dung chính gồm:

1. Hoàn thiện công nghệ sản xuất surimi mực đại dương.
2. Xây dựng mô hình công nghệ và thiết bị sản xuất surimi mực đại dương, quy mô 500kg nguyên liệu/mẻ.
3. Hoàn thiện công nghệ sản xuất 2 sản phẩm chả tôm và chả mực từ surimi mực đại dương.
4. Xây dựng mô hình công nghệ, thiết bị sản xuất 2 sản phẩm chả tôm, chả mực từ surimi mực đại dương (500kg nguyên liệu/mẻ).
5. Đào tạo chuyển giao công nghệ và tổ chức sản xuất thử nghiệm, kinh doanh sản phẩm.



Các công đoạn từ nguyên liệu mực xà, xay, lọc và cuối cùng là sản phẩm bước đầu

Hội thảo cũng được nghe các ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các vị đại biểu giúp cho dự án có hướng triển khai tốt nhất trong thời gian tới.

Kết luận tại Hội thảo, Phó Viện trưởng Nguyễn Viết Nghĩa chỉ đạo Ban Chủ nhiệm dự án cần triển khai các nội dung thực hiện theo đúng tiến độ đã xây dựng, cần hoàn

thiện công nghệ sản xuất surimi từ mực đại dương và thử nghiệm các sản phẩm chả tôm; chả mực trên nền surimi mực. Đồng thời cần phối hợp chặt chẽ với Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản xuất khẩu Hạ Long trong việc triển khai sản xuất và phân phối sản phẩm của dự án./.

Vũ Thị Thu Hằng

HIỆN TRẠNG KHAI THÁC HẢI SẢN CỦA NGHỀ LƯỚI RÊ XA BỜ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

*Nguyễn Phan Phước Long¹,
Nguyễn Như Sơn¹, Lê Xuân Tài²*

TÓM TẮT

Đề tài nghiên cứu hiện trạng khai thác hải sản của nghề lưới rê xa bờ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được thực hiện từ tháng 5/2016 đến tháng 4/2017 nhằm phân tích, đánh giá cường lực khai thác và hiệu quả kinh tế của nghề này. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong năm 2017 tổng số tàu lưới rê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là 401 tàu, chiếm 13,3% tổng số tàu thuyền khai thác xa bờ của tỉnh. Trung bình mỗi chuyến biển, sản lượng khai thác của tàu lưới rê đạt 9.609 kg/tàu. Năng suất trung bình đạt 472 kg/ngày/tàu. Tổng cường lực khai thác đạt 78.244 ngày/tàu. Cường lực khai thác trong mùa gió Tây Nam đạt 36.068 ngày/tàu, thấp hơn mùa gió Đông Bắc 6.108 ngày/tàu. Cường lực khai thác biến thiên tăng dần theo chiều tăng công suất tàu và nhóm tàu từ 250CV trở lên có tổng cường lực khai thác cao nhất đạt 65.078 ngày/tàu. Nghề lưới rê hoạt động khai thác tập trung ở ngư trường phía Nam và Đông Nam đảo Côn Sơn. Ngoài ra, đội tàu lưới rê hoạt động khai thác đạt hiệu quả cao trong mùa gió Tây Nam và nhóm tàu 90 - 150CV trở lên có hiệu quả khai thác cao nhất, bình quân đạt 229,469 triệu đồng/tàu chuyến biển.

Từ khóa: Hiện trạng khai thác, cường lực khai thác, xa bờ, Bà Rịa - Vũng Tàu.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghề cá Việt Nam nói chung và Bà Rịa - Vũng Tàu nói riêng đang phải đối mặt với nhiều thách thức to lớn. Tình trạng dư thừa cường lực khai thác đang diễn ra hầu hết ở các vùng biển trong nước, đã làm cho nguồn lợi thủy sản ngày càng giảm, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế và gia tăng xung đột giữa các nghề khai thác. Số lượng tàu thuyền ngày

càng tăng và phân bố hoạt động một cách tự phát là một thách thức lớn cho công tác kiểm soát và quản lý. Hệ thống quản lý tàu thuyền mặc dù đã có bước phát triển tuy nhiên vẫn còn bất cập, đặc biệt là thông tin về cường lực khai thác vẫn còn nhiều hạn chế. Vì vậy, để có cơ sở khoa học cho công tác quản lý khai thác hải sản, việc nghiên cứu đồng bộ và liên tục theo thời gian về cường lực khai thác và đánh giá hiệu quả kinh tế cần phải được triển khai. Nghiên cứu đề tài “Hiện trạng khai thác hải sản của nghề lưới rê xa bờ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu” nhằm cung cấp cơ sở khoa học về hiện trạng và sự phân bố cường

¹ Phân Viện Nghiên cứu Hải sản phía Nam - Viện nghiên cứu Hải sản

² Trường Đại học Nha Trang.

Email: longnpp1995@gmail.com, SĐT: 01649075117.

lực khai thác của nghề lưới rê ở vùng biển xa bờ của tỉnh.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Phương pháp thu thập số liệu

- Thu thập số liệu thứ cấp:

Số liệu tàu cá được tổng hợp, trích xuất từ báo cáo thống kê của Chi cục Thủy sản tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2013 - 2017.

Số liệu nghề cá thương phẩm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2016 (Tiểu dự án điều tra tổng thể hiện trạng và biến động nguồn lợi thủy sản Việt Nam - Hợp phần I nhiệm vụ số 8 đề án 47) từ tháng 5/2016 - 2/2017 (về các thông tin ngư cụ, số ngày đánh bắt, chi phí, doanh thu và sản lượng,...).

- Thu thập số liệu sơ cấp: sử dụng phương pháp thu mẫu điều tra của FAO điều tra khảo sát thực tế trong tháng 3 và tháng 4/2017 được thiết kế phù hợp với nội dung nghiên cứu.

- Theo tiêu chuẩn quy mô mẫu điều tra của FAO, để đảm bảo độ chính xác là 90% thì đội tàu ở nhiều điểm đại diện thu mẫu được lựa chọn sẽ thu thập ngẫu nhiên và trung bình 32 mẫu phiếu điều tra phỏng vấn thông tin khai thác.

Trong giai đoạn 5/2016 - 4/2017 tổng số mẫu điều tra là 384. Phân bố số mẫu như ở Bảng 1.

Bảng 1. Phân bố số lượng tàu mẫu

Tháng trong năm Nhóm công suất (CV)	2016								2017				Tổng	
	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4		
90-149	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	96
150-249	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	120
≥ 250	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14	168
Tổng	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	384

- Thời gian: từ tháng 5/2016 đến tháng 4/2017.

- Địa điểm nghiên cứu: Bà Rịa - Vũng Tàu (BR - VT).

Sử dụng số liệu điều tra từ tài liệu điều tra nghề cá thương phẩm tỉnh BR - VT từ tháng 5/2016 - 02/2017 thuộc tiểu dự án điều tra tổng thể hiện trạng và biến động nguồn lợi thủy sản Việt Nam - Hợp phần I nhiệm vụ

số 8 đề án 47. Kết hợp với thu mẫu điều tra thực tế trong tháng 3 và tháng 4/2017 (số liệu bổ sung) gộp lại thành chuỗi thời gian từ 5/2016 - 4/2017.

Số lượng tàu lưới rê xa bờ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hoạt động khai thác ổn định theo các tháng trong năm 2016 và năm 2017 thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Số lượng tàu lưới rê (F) trong thời gian nghiên cứu

Tháng/năm	2016								2017			
	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4
F (tàu)	300	300	300	300	300	300	300	300	401	401	401	401

Thực tế, số lượng tàu sẽ có sự thay đổi theo từng tháng, tuy nhiên do số liệu không

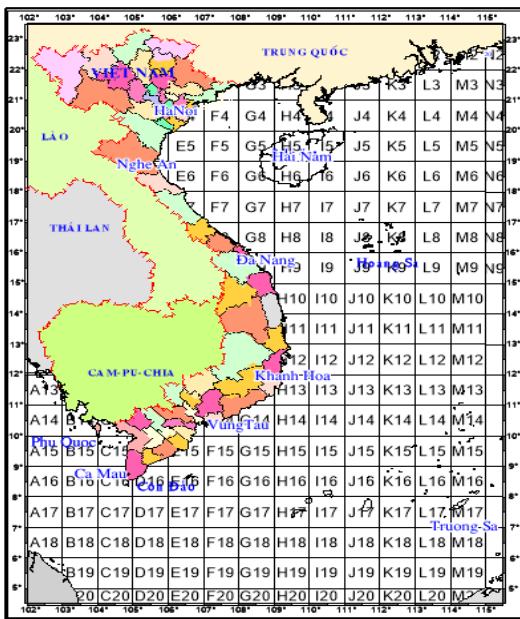
được cập nhật theo tháng cho nên tác giả đã sử dụng số liệu thống kê theo năm (theo số

liệu thống kê từ Chi cục Thủy sản tỉnh BR - VT năm 2016 là 300 tàu và 2017 là 401 tàu) để cố định số lượng tàu theo từng tháng trong năm để tính toán.

2. Phương pháp xử lý số liệu

- Dùng phần mềm Microsoft Excel để xử lý, phân tích số liệu theo phương pháp thống kê, sử dụng phần mềm MapInfo để vẽ các bản đồ phân bố cường lực khai thác.

- Xác định sự phân bố cường lực: Phân bố cường lực khai thác là mức độ tập trung cường lực (hay số ngày hoạt động khai thác của một đơn vị tàu thuyền) trên các ngư trường của từng nhóm tàu lưới rê trong hai mùa vụ chính (mùa gió Tây Nam 5 - 10/2016 và mùa gió Đông Bắc 11 - 4/2017), được mã hóa theo Hình 1.



Hình 1. Mã hóa ngư trường khai thác của nghề lưới rê xa bờ

- Tính cường lực khai thác (E)

$$E_i = F_i \times (D_{tb})_i \quad (2 - 1)$$

Trong đó: E_i là cường lực khai thác của nhóm tàu nghiên cứu thứ i (ngày/tàu); F_i là số tàu thuyền lưới rê của nhóm tàu i tham gia

khai thác (tàu); $(D_{tb})_i$ là số ngày khai thác trung bình của một tàu trong nhóm tàu i (ngày/tàu) [Error! Reference source not found.], tính theo công thức (2 - 2):

$$(D_{tb})_i = \sum_{i=1}^3 \left(\frac{d}{F_m} \right)_i \quad (2 - 2)$$

Trong đó: $(F_m)_i$ là số tàu mẫu của từng nhóm tàu i (tàu), d_i là số ngày khai thác của từng nhóm tàu i (ngày). Nhóm tàu i gồm 3 nhóm công suất: nhóm 1: 90 - 149 CV; nhóm 2: 150 - 249 CV; nhóm 3: từ 250 CV trở lên.

- Tính năng suất và sản lượng khai thác

$$\overline{CPUE}_i = \sum_{i=1}^3 \left(- \right) \left(\frac{d_i}{F_m} \right) \quad (2 - 3)$$

Trong đó: \overline{CPUE}_i được hiểu là năng suất khai thác trung bình của nhóm tàu i . Đơn vị tính: kg/ngày/tàu; d_i là số ngày khai thác của từng nhóm tàu i (ngày);

SL_i là sản lượng khai thác của từng nhóm tàu i .

Sản lượng trung bình của một tàu thuộc nhóm tàu i được tính theo công thức (2 - 4):

$$(SL_{tb})_i = \frac{SL_i}{N_i} \quad (2 - 4)$$

$(SL_{tb})_i$ là sản lượng trung bình của một tàu trong nhóm tàu i khai thác được, đơn vị tính: kg/tàu; N_i là số lượng tàu mẫu của nhóm tàu thứ i (tàu).

- Hiệu quả kinh tế

Lợi nhuận trung bình một chuyến biển của nhóm tàu i được tính theo công thức (2 - 5):

$$LN_i = DT_i - CP_i \quad (2 - 5)$$

Trong đó, LN_i là lợi nhuận trung bình một chuyến biển của nhóm tàu thứ i (triệu đồng); DT_i là doanh thu trung bình một chuyến biển của nhóm tàu thứ i (triệu đồng) và được tính theo công thức (2 - 6):

$$DT_i = \sum_{j=1}^n (SL_j \times DG_j)_i \quad (2 - 6)$$

SL_j là sản lượng của từng đối tượng j thu được của nhóm tàu i ($j = 1 \div 9$); DG_j là đơn giá (nghìn đồng) ứng với từng loài j mà đội tàu khai thác được.

CP_i là chi phí trung bình một chuyến biển (triệu đồng) của nhóm tàu thứ i , được tính theo công thức (2 - 7):

$$CP_i = (CP_{nl} + CP_{bq} + CP_{khác})_i \quad (2 - 7)$$

CP_{nl} là chi phí nhiên liệu (dầu) của nhóm tàu thứ i (triệu đồng);

CP_{bq} là chi phí bảo quản (nước đá cây) của nhóm tàu thứ i (triệu đồng);

$CP_{khác}$ là chi phí khác (lương thủy thủ, sửa chữa tàu,...) của nhóm tàu i (triệu đồng).

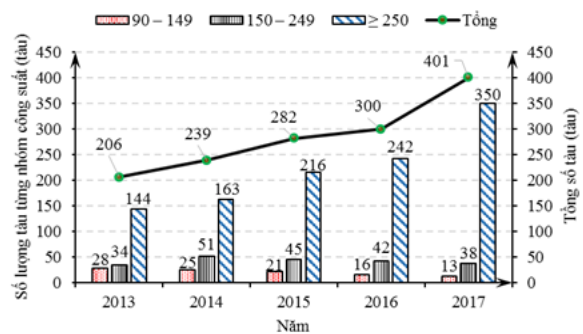
III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

1. Cơ cấu đội tàu lưới rê

1.1. Số lượng tàu thuyền

Năm 2017, tổng số tàu lưới rê tỉnh BR - VT là 401 tàu, chiếm 13,3% tổng số tàu thuyền khai thác xa bờ của tỉnh. So với năm 2013 thì số lượng tàu tăng 195 tàu (gấp 1,9 lần). Trong đó, số lượng tàu lưới rê có công suất

từ 250 CV trở lên liên tục tăng và nhóm tàu 90 - 149 CV có xu hướng giảm dần theo các năm, thể hiện ở Hình 2.



Hình 2. Cơ cấu tàu thuyền theo nhóm công suất giai đoạn 2013 - 2017

Đội tàu lưới rê khai thác xa bờ của tỉnh đang có xu hướng phát triển mạnh về cả số lượng và công suất tàu, tăng số lượng tàu có công suất lớn (≥ 250 CV) để đáp ứng cho những chuyến đi dài ngày ở vùng biển xa bờ.

1.2. Thông số ngư cụ lưới rê khai thác hải sản xa bờ

Ta nhận thấy, ngoài kích thước mắt lưới và chiều cao cố định thì kích thước chiều dài và số tấm lưới biến thiên tăng dần theo độ lớn công suất tàu, thể hiện qua Bảng 3.

Bảng 3. Thông số ngư cụ nghề lưới rê trong thời gian nghiên cứu

Nhóm công suất (CV)	Số tấm lưới (tấm)	Chiều dài 1 tấm lưới (m)	Tổng chiều dài (m)	Chiều cao tấm lưới (m)	Kích thước mắt lưới 2a (mm)
90 - 149	193	61	11.798	17	105
150 - 249	208	62	12.948	17	105
≥ 250	275	62	17.285	17	105
TB	225	62	14.011	17	105

Đội tàu lưới rê trang bị trung bình khoảng 225 tấm lưới và chiều dài mỗi tấm là 62 m với chiều cao là 17 m và kích thước mắt lưới 2a là 105 mm. Điều này cho thấy, quy mô trang bị ngư cụ lưới rê xa bờ có sự sai khác so với năm 2014. Trong đó, chiều cao lưới ngắn hơn 2 m và kích thước mắt lưới lớn hơn 3 mm.

1.3. Sản lượng và năng suất khai thác

Trung bình một chuyến biển đội tàu lưới rê khai thác thủy sản xa bờ tỉnh BR - VT đạt 9.609 kg/tàu. Nhóm tàu từ 250 CV trở lên đạt sản lượng cao nhất 9.960 kg/tàu và thấp nhất là nhóm tàu 90 - 149 CV chỉ đạt 7.902 kg/tàu. Năng suất đạt được của đội tàu lưới rê trung bình khoảng 472 kg/ngày/tàu. Trong đội tàu

lưới rê xa bờ tỉnh BR - VT thì nhóm tàu có nhất với 507 kg/ngày/tàu, thể hiện ở Bảng 4. công suất từ 250 CV trở lên đạt năng suất cao

Bảng 4. Sản lượng và năng suất trung bình của đội tàu lưới rê

Tháng	Nhóm công suất (CV)	Sản lượng trung bình (kg/tàu)				Năng suất trung bình (kg/ngày/tàu)			
		90 - 149	150 - 249	≥ 250	TB	90 - 149	150 - 249	≥ 250	TB
5		8.740	11.153	9.756	9.883	411	507	448	452
6		8.888	10.254	10.275	9.806	439	518	510	495
7		7.899	8.422	9.732	8.684	395	365	460	413
8		7.075	9.534	10.281	8.963	375	499	531	483
9		8.840	11.245	9.784	9.956	450	601	507	521
10		7.659	9.740	11.650	9.683	406	505	604	524
11		8.536	9.521	12.842	10.300	449	498	661	558
12		8.475	8.796	10.348	9.206	426	438	514	468
1		6.878	6.262	7.479	6.873	420	404	467	436
2		6.746	8.378	9.111	8.078	428	527	559	517
3		6.070	8.322	8.912	7.768	284	393	419	377
4		9.018	10.522	9.354	9.631	396	455	399	416
TB		7.902	9.346	9.960	9.069	407	476	507	472

2. Số ngày khai thác trung bình (D_{tb})

Hoạt động khai thác của nghề lưới rê dao động từ 16 - 23 ngày/tàu, được thể hiện dưới Bảng 5.

Bảng 5. Số ngày hoạt động khai thác (ngày/tàu)

Tháng	Nhóm công suất (CV)	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4
		90-149	21	20	20	19	20	19	19	19	20	16	16
150-249	22	20	23	19	19	19	19	19	20	16	16	21	23
≥ 250	22	20	21	19	19	19	19	19	20	16	16	21	23

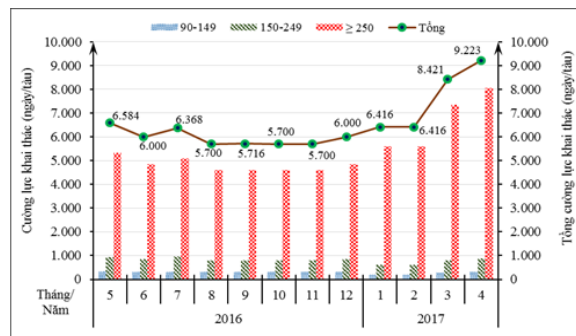
Đội tàu hoạt động khai thác trung bình khoảng 20 ngày/tàu. Trong đó, tập trung khai thác mạnh nhất ở các tháng 3, 4 và 5.

và tháng 11. Ở mùa gió Đông Bắc (42.176 ngày/tàu) cao hơn mùa gió Tây Nam 6.108 ngày/tàu, thể hiện ở Hình 3.

3. Biến động và phân bố cường lực khai thác nghề lưới rê xa bờ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

3.1. Biến động cường lực khai thác

Tổng cường lực khai thác của đội tàu lưới rê xa bờ trong thời gian nghiên cứu đạt 78.244 ngày/tàu và trung bình khoảng 2.173 ngày/tàu/tháng. Cường lực khai thác dao động từ 5.700 - 9.223 ngày/tàu, mạnh nhất vào tháng 4, thấp nhất vào tháng 8, tháng 10



Hình 3. Biến động cường lực khai thác theo thời gian

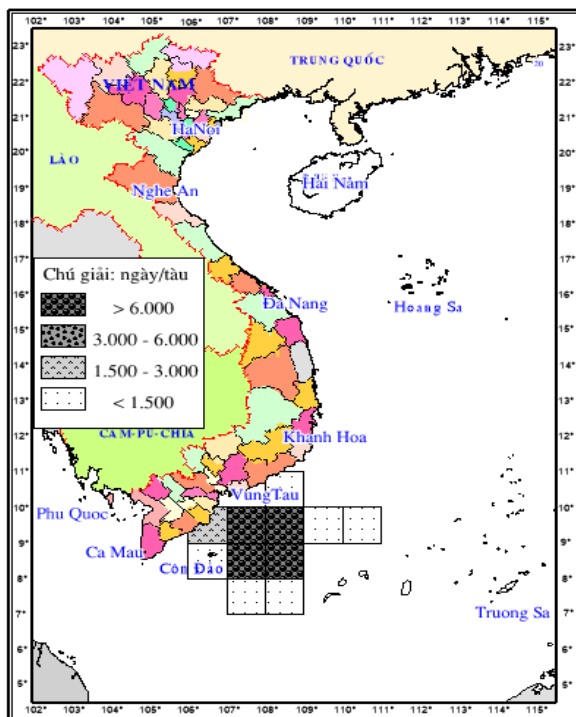
Nhóm tàu công suất từ 250 CV trở lên có cường lực khai thác cao nhất, đạt 65.078 ngày/tàu chiếm 83,2% tổng cường lực của đội tàu, tiếp đến là nhóm 150 - 249 CV đạt 9.650 ngày/tàu (chiếm 12,3%) và thấp nhất là nhóm 90-149 CV đạt 3.516 ngày/tàu (chiếm 4,5%) tổng cường lực khai thác của đội tàu.

Tổng cường lực của nghề lưới rê xa bờ tỉnh BR - VT gấp 4,5 lần so với cường lực nghề lưới rê thu ngừ năm 2014 (17.269 ngày/tàu) và chiếm đến 41,4% trong tổng cường lực ở vùng biển Đông Nam Bộ [1].

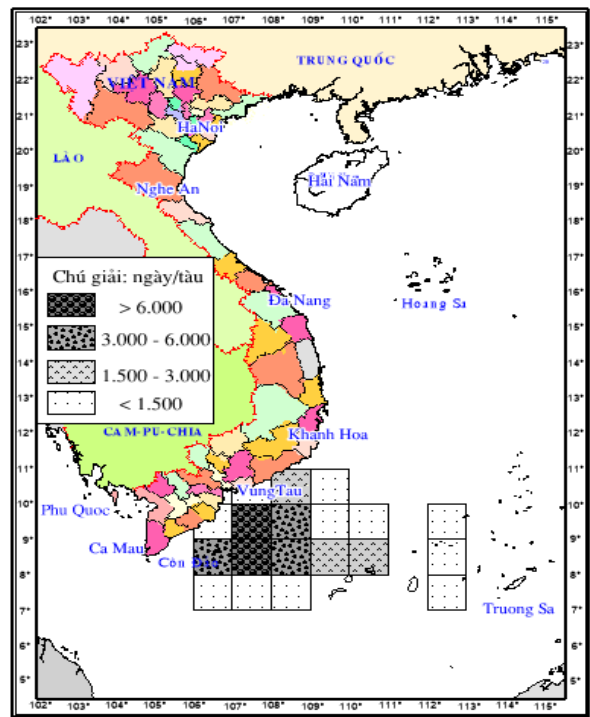
Cho thấy, nghề lưới rê xa bờ ngày càng phát triển và khẳng định vai trò to lớn của tỉnh trong việc thúc đẩy nghề khai thác thủy sản.

3.2. Phân bố cường lực khai thác

Phân bố cường lực khai thác của nghề lưới rê khai thác xa bờ tập trung chủ yếu ở phía Nam - Đông Nam đảo Côn Sơn, thể hiện ở Hình 4 và Hình 5.



Hình 4. Biểu đồ phân bố cường lực khai thác nghề lưới rê xa bờ ở mùa gió Tây Nam

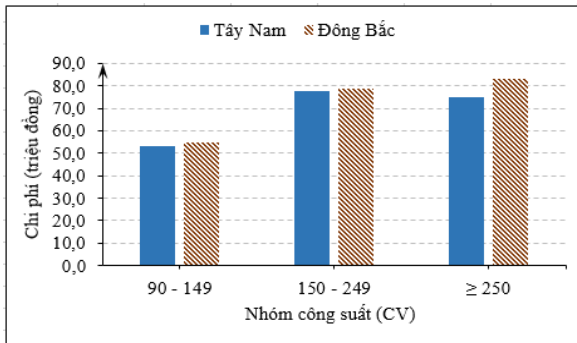


Hình 5. Biểu đồ phân bố cường lực khai thác nghề lưới rê xa bờ ở mùa gió Đông Bắc

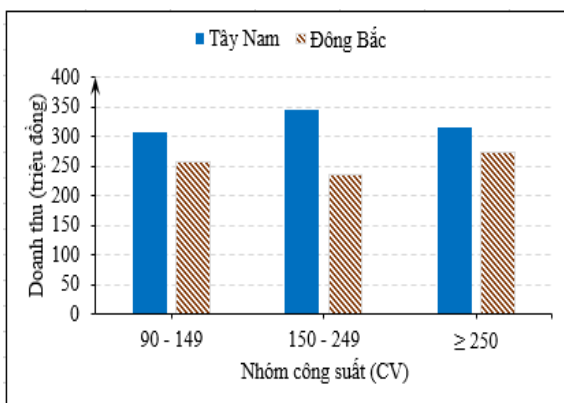
Qua bản đồ phân bố cường lực khai thác cho thấy, ở mùa gió Tây Nam cường lực (> 6.000 ngày/tàu) của đội tàu lưới rê tập trung ở đảo Côn Sơn có tọa độ (8 - 10)^oN; (107 - 109)^oE và mùa gió Đông Bắc tập trung ở tọa độ (8 - 10)^oN; (107 - 108)^oE.

4. Hiệu quả kinh tế nghề lưới rê xa bờ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Chi phí trung bình biến thiên tăng dần theo chiều tăng công suất tàu. Tổng chi phí chuyên biển của các nhóm tàu trong mùa gió Tây Nam (69,3 triệu đồng) thấp hơn 2,3 triệu đồng so với mùa gió Đông Bắc, thể hiện ở Hình 6.



Hình 6. Tổng chi phí chuyến biển



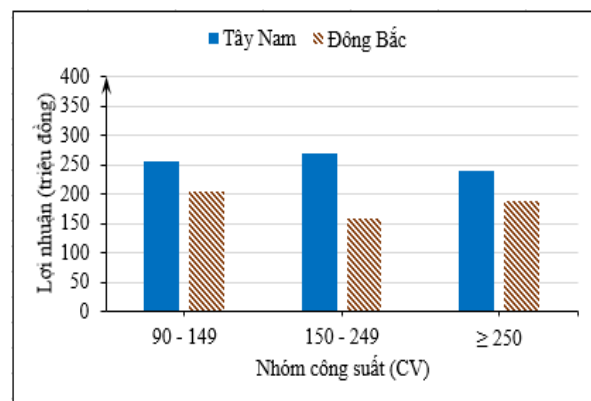
Hình 7. Doanh thu chuyến biển

So với mùa gió Đông Bắc thì doanh thu trung bình của đội tàu ở mùa gió Tây Nam cao hơn 45,8 triệu đồng và lợi nhuận cao hơn 48,1 triệu đồng.

Nguyên nhân có sự thay đổi tổng doanh thu và lợi nhuận là do khai thác trong mùa gió Đông Bắc đội tàu chịu ảnh hưởng của thời tiết xấu (gió, bão), tàu thuyền di chuyển nhiều ngư trường đã làm cho doanh thu và lợi nhuận trong mùa gió Đông Bắc không cao như ở mùa gió Tây Nam.

Lợi nhuận trung bình chuyến biển của nhóm tàu từ 90 - 149 CV đạt 229,5 triệu đồng, đạt cao nhất trong 3 nhóm, nhóm từ 250 CV trở lên đạt 215,4 triệu đồng và nhóm 150 - 249 CV đạt 213,6 triệu đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do tàu thuyền công suất cao đánh bắt ở vùng xa bờ làm gia tăng chi phí

Chi phí trung bình một chuyến biển là 70,4 triệu đồng. Trong đó, chi phí nhiên liệu chiếm 56,4%, chi phí bảo quản chiếm 9,2% và chi phí khác chiếm 34,4%. Doanh thu và lợi nhuận chuyến biển đạt được của đội tàu lần lượt là 289,9 triệu đồng và 219,5 triệu đồng, có sự thay đổi trong hai mùa gió, thể hiện ở Hình 7 và Hình 8.



Hình 8. Lợi nhuận chuyến biển

nhiên liệu ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của từng nhóm tàu.

IV. KẾT LUẬN

Số lượng tàu lưới rê khai thác hải sản xa bờ trong năm 2017 đạt 401 tàu, chiếm 13,3% tổng số tàu của tỉnh. Số lượng tàu từ 250 CV trở lên là cao nhất chiếm đến 87% tổng số tàu.

Trung bình mỗi chuyến biển, sản lượng khai thác của tàu lưới rê đạt 9.609 kg/tàu. Trong đó, nhóm tàu từ 250 CV trở lên đạt sản lượng cao nhất 9.960 kg/tàu và thấp nhất là nhóm tàu 90 - 149 CV chỉ đạt 7.902 kg/tàu. Năng suất trung bình đạt 472 kg/ngày/tàu và nhóm tàu có công suất từ 250 CV trở lên đạt năng suất cao nhất với 507 kg/ngày/tàu.

Tổng cường lực của nghề lưới rê là 78.244 ngày/tàu và biến thiên tăng dần theo

độ lớn công suất tàu. Cường lực khai thác trong mùa gió Tây Nam thấp hơn mùa gió Đông Bắc.

Nghề lưới rê tập trung khai thác ở các ngư trường phía Nam - Đông Nam đảo Côn Sơn.

Hiệu quả kinh tế của đội tàu lưới rê khai thác trong mùa gió Tây Nam cao hơn mùa gió Đông Bắc và hiệu quả khai thác của nhóm tàu từ 90 - 149CV là cao nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1 Chi cục Thủy sản tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2017), Báo cáo tổng hợp số lượng tàu thuyền tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu từ năm 2013 - 2017.

2 Bùi Văn Tùng (2013), “Biến động và phân bố cường lực khai thác hải sản ở vùng biển xa bờ Đông Nam Bộ”, Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chuyên đề Hội nghị Khoa học toàn quốc nghề cá biển (12/2013), tr. 109 - 118.

3 Nguyễn Như Sơn (2014), “Biến động cường lực và sản lượng khai thác của đội tàu lưới rê thu ngư công suất từ 90 CV trở lên ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu”, Tạp chí Khoa học - Công nghệ Thủy sản (1/2014), tr. 69 - 75.

4 Stamatopoulos, C. (2002) “Sample-based fishery surveys. A technical handbook, FAO”. Fisheries Technical Paper 425.

Status of the gillnet fishery in off-shore of Ba Ria - Vung Tau province

ABSTRACT

Study on the status the gillnet fishery in the offshore of Ba Ria - Vung Tau province was conducted from May 2016 to April 2017. The results showed that, the total number of the gillnet vessels in BR - VT province is 401 vessels (2017), accounting for 13.3% of the total number of fishing vessels in the province. On average, the catches of the gillnet vessels reached 9,609 kg/vessel. The average yield is 472 kg/day/vessel. The total fishing efforts were 78,244 days/vessel. The fishing effort in the southwest season was 36,068 days/vessel, lower than the North East 6,108 days/vessel. The fishing effort varied gradually with the increasment of capacities of vessels and groups of vessels of higher than 250CV reached the highest fishing efforts of 65,078 days/vessel. The gillnet is concentrated in the Southern and South-Eastern fishing of Con Son Island. In addition, the gillnet highest exploitation efficiency in the Southwest season and the group of vessels 90 - 150CV gained the highest economi cefficiency, withaverage of 229.496 million VND/vessel.

Keywords: status of the gillnet fishery, fishing effort, offshore, Ba Ria - Vung Tau.

Người phân biện: TS. Chu Tiến Vĩnh

HIỆN TRẠNG KHAI THÁC HẢI SẢN TRÊN TÀU CHỤP MỰC XA BỜ TỈNH QUẢNG NAM

Nguyễn Như Sơn

TÓM TẮT

Kết quả điều tra cho thấy, tàu chụp mực xa bờ tỉnh Quảng Nam đang có xu hướng phát triển mạnh cả về công suất máy và kích thước vỏ tàu. Công suất nguồn sáng phục vụ khai thác đang có xu hướng tăng theo chiều tăng công suất tàu. Ngư trường khai thác của nghề chụp mực hoạt động ở tọa độ từ 14°00'N - 16°00'N; 109°00'E - 110°30'E. Đối tượng khai thác chính là cá mực (43,2%) và mực các loại (31,0%). Năng suất khai thác trung bình đạt 383,9 kg/mẻ, cao nhất đạt 422 kg/mẻ (nhóm tàu từ 400 CV trở lên) và sản lượng khai thác tăng theo chiều tăng công suất máy tàu. Lợi nhuận chuyển biển bình quân đạt được 102 triệu đồng/tàu/chuyến và hàng năm lợi nhuận chủ tàu thu được đạt khoảng 510 triệu đồng/tàu.

Từ khóa: chụp mực, xa bờ, lợi nhuận và mực ống.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mực là loài hải sản có giá trị xuất khẩu và tiêu thụ nội địa cao, thị trường tiêu thụ rộng. Mực có thể khai thác bằng nhiều ngư cụ như lưới vây, màn, lưới kéo, câu, chụp mực, lồng bẫy... Nghề chụp mực được du nhập vào Việt Nam từ những năm cuối thế kỷ 20 và được nhiều tỉnh (thành) ven biển như Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình, Nghệ An... sử dụng và đang rất phát triển với tàu thuyền có công suất máy chính có thể lên đến 1.000 CV. Hiệu quả khai thác nghề chụp mực khá cao so với một số nghề khai thác thủy sản khác, trong khi chi phí đầu tư không cao và dễ chuyển giao công nghệ. Đối tượng khai thác chính của nghề này là mực ống, cá trích, cá chỉ vàng, cá hổ, cá ngừ... Tỉnh Quảng Nam đã ứng dụng nghề chụp mực vào khai thác hải sản từ năm 2008 và có xu hướng phát triển ở một số địa phương như: Núi Thành, Điện Bàn, Thăng Bình. Hiện nay, đội tàu chụp mực của tỉnh có khoảng 81 chiếc (chiếm 10,6%). Tuy nhiên, việc đánh giá hiện trạng khai thác và xu hướng phát triển của đội tàu chụp mực tại địa phương chưa được quan tâm. Bài báo này, cung cấp thông tin về thực trạng nghề chụp mực của tỉnh, làm cơ sở định hướng phát triển nghề trong thời gian tới và góp phần làm cơ sở quy hoạch nghề khai thác hải sản của tỉnh.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm, thời gian và đối tượng nghiên cứu

- Địa điểm nghiên cứu: Huyện Núi Thành và Thăng Bình.

- Thời gian nghiên cứu: Từ 10/2017 đến 12/2017.

- Đối tượng nghiên cứu: Tàu chụp mực công suất từ 90 CV trở lên.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Số liệu thứ cấp: Thu thập thông tin từ Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Nam về số lượng tàu thuyền, kích thước tàu, cơ cấu nghề,...

- Số liệu sơ cấp: Phòng vấn trực tiếp ngư dân (chủ tàu, thuyền trưởng) theo mẫu thiết kế gồm những thông tin: trang thiết bị, ngư cụ, sản lượng khai thác và chi phí chuyển biển,... Số lượng mẫu thu được là 44 mẫu (chiếm 54,3%), thể hiện dưới Bảng 1.

Bảng 1. Phân bố số lượng mẫu điều tra

Nhóm công suất (cv)	Số tàu (chiếc)	Số mẫu thu	Tỷ lệ thu mẫu (%)
90 - 249	11	11	100
250 - 399	13	13	100
≥ 400	57	20	35,1
Tổng	81	44	

Sử dụng Microsoft Excel để xử lý số liệu theo phương pháp thống kê mô tả

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Hiện trạng hoạt động khai thác của nghề chụp mực tỉnh Quảng Nam

3.1.1. Cơ cấu tàu chụp mực

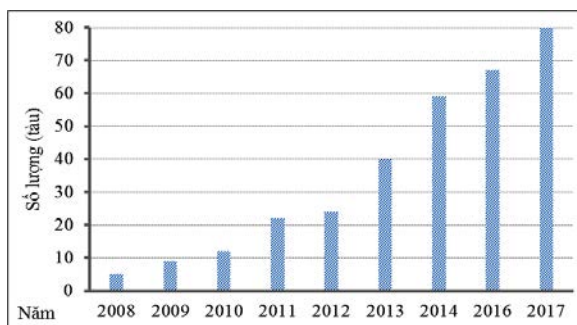
Tàu cá xa bờ tỉnh Quảng Nam có khoảng 763 chiếc, chiếm 49,1% tổng số tàu cá toàn tỉnh. Trong đó, lưới vây chiếm 30,0% tổng số tàu thuyền khai thác, tiếp đến là nghề câu (27,8%), lưới rê (17,8%), chụp mực (10,6%), được thể hiện dưới Bảng 2.

Bảng 2. Cơ cấu tàu khai thác hải sản xa bờ tỉnh Quảng Nam

Nghề	Nhóm công suất (CV)			
	90 - 249	250 - 399	≥ 400	Tổng
Lưới kéo	9	-	-	9
Lưới vây	94	27	108	229
Lưới rê	39	40	57	136
Nghề câu	34	51	127	212
Chụp mực	11	13	57	81
Dịch vụ hậu cần	20	11	10	41
Nghề bẫy	17	2	0	19
Nghề khác	9	10	17	36
Tổng	233	154	376	763

Nguồn: Chi cục Thủy sản Quảng Nam, 12/2017 [1]

Qua Bảng 1 nhận thấy, tàu chụm mực tỉnh Quảng Nam, chỉ chiếm 10,6% nhưng có xu hướng phát triển khá nhanh từ năm 2013 - 2017, được thể hiện dưới Hình 1.



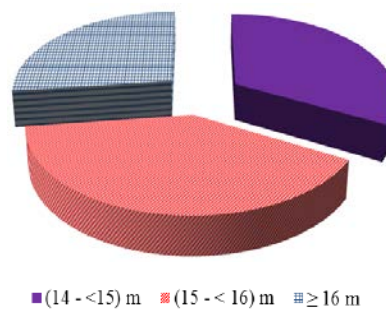
Hình 1. Số lượng tàu chụm mực 4 tầng gông giai đoạn 2008-2017

Qua Hình 1 nhận thấy, số lượng tàu chụm mực giai đoạn 2008 - 2012 khá khiêm tốn đạt 24 chiếc (năm 2012), nhưng sau 3 năm số lượng tàu này tăng hơn 3 lần, đạt 81 chiếc (năm 2017). Chứng tỏ, sự đầu tư của ngư dân Quảng Nam cho nghề này là rất lớn, một phần nhờ vào các chính sách hỗ trợ của nhà nước như Nghị định 67, Nghị định 48 của Chính phủ,...

3.1.2. Tàu chụm mực

a. Vỏ tàu

Tàu chụm mực Quảng Nam được đóng theo các mẫu tàu truyền thống, số lượng tàu được đóng tại địa phương chiếm khoảng 50% và 50% được mua lại từ các tỉnh lân cận. Vỏ tàu thường được đóng bằng gỗ, tuổi thọ dao động từ 5 - 15 năm tùy theo kích thước vỏ tàu. Chiều dài vỏ tàu hầu hết lớn hơn 14 m. Trong đó, tàu có chiều dài từ 14 m - <15 m (chiếm 33,0%); 40% chiều dài từ 15 - <16 m (40,0%) và chiều dài ≥ 16 m (27,0%), được thể hiện ở Hình 2.



Hình 2. Tỷ lệ số lượng tàu chụm mực phân theo nhóm chiều dài vỏ tàu

b. Máy chính

Kết quả điều tra việc trang bị máy chính cho đội tàu chụm mực tại Quảng Nam cho thấy, 93,0% máy chính của tàu là máy đã qua sử dụng, và 7,0% là máy mới được trang bị theo Nghị định 67, thuộc nhiều hãng khác nhau, trong đó máy của Nhật Bản chiếm 80%, Hàn Quốc (13,0%), Mỹ (7,0%)... Ngoài ra, một số ít các tàu cá có trang bị máy phụ (để phát điện) có công suất dao động từ 120 - 360 CV (chiếm 13,3% tổng số tàu lưới chụm).

3.1.3. Trang thiết bị khai thác

a. Máy phát điện

Máy phát điện loại động cơ điện xoay chiều 3 pha do Trung Quốc sản xuất có công suất từ 50 - 90 kW được trang bị khá phổ biến trên các tàu chụm mực tại Quảng Nam. Các chủ tàu chụm mực thường chọn máy phát điện có công suất lớn hơn tổng công suất tiêu thụ của hệ thống bóng đèn trên tàu từ 25 - 30% để bù cho tổn thất điện qua tăng phô và dây dẫn.

b. Hệ thống đèn chiếu sáng

Hệ thống đèn chiếu sáng tập trung cá bao gồm các loại bóng đèn sợi đốt và bóng đèn Metan Halide có ánh sáng trắng hoặc vàng, với công suất phát sáng từ 1 - 2 KW/bóng và tổng công suất nguồn sáng trên tàu dao động từ 49 - 190 KW/tàu. Chi tiết hệ thống đèn chiếu sáng được thể hiện ở Bảng 3.

Bảng 3. Công suất nguồn sáng trang bị trên tàu chụp mực phân theo nhóm công suất

Chủng loại bóng đèn		Màu sắc	Nhóm công suất (CV)		
			90 - 249	250 - 399	≥ 400
Đèn thấp sáng tập trung mực, cá (KW)	Sợi đốt	Trắng	8,0	8,0	8,0
	Metan Halide	Trắng/vàng	46,0	59,0	132,0
Đèn gom mực, cá (KW)	Metan Halide	Trắng/vàng	1,0	1,3	1,8
Tổng (KW)			55,0	68,3	141,8

Hệ thống bóng đèn được treo thành 02 tuyến, bố trí dọc theo 02 bên mạn cabin và sau lái. Chiều cao treo đèn được treo cách mặt boong cabin từ 0,2 - 1,8 m.

c. Hệ thống tăng gông

Qua điều tra thực tế, tàu chụp mực sử dụng các tăng gông làm bằng gỗ, chiếm 70 - 80% và thép pha kẽm, (chiếm khoảng 20%). Chiều dài tăng gông phụ thuộc vào kích thước vỏ tàu, dao động từ 12 - 22 m và đường kính từ 240 - 300 mm. Ngoài ra, hệ

thống dây cố định tăng gông, dây chịu lực được dùng là dây PP Φ 20mm và PE Φ 10. Ngoài ra, các tàu chụp mực được trang bị đầy đủ các loại máy điện hàng hải.

3.2. Ngư cụ

Kết quả điều tra cho thấy, chu vi miệng lưới chụp mực tỷ lệ thuận với công suất và kích thước tàu. Lưới chụp mực được sử dụng vật liệu là PA mono và PE 380^D/_{3x3}, chi tiết các thông số kỹ thuật được thể hiện dưới Bảng 4.

Bảng 4. Thông số kỹ thuật ngư cụ khai thác

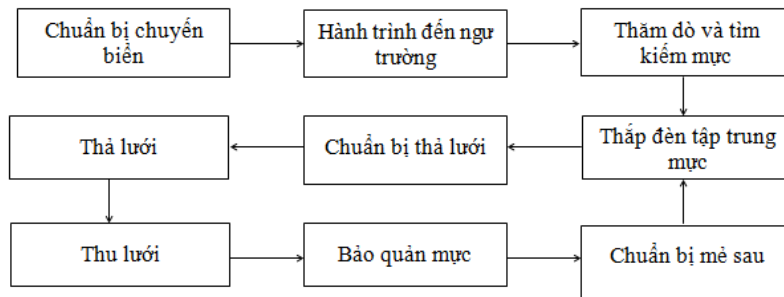
TT	Tên bộ phận	Vật liệu - Quy cách	Chiều cao kéo căng (m)	2a (mm)
1	Lưới chao	PE 380 ^D / _{3x3}	22 - 60	35 - 40
2	Lưới thân phần 1	PA MONO d = 0,4mm		30 - 35
3	Lưới thân phần 2	PA MONO d = 0,4mm		24 - 30
4	Lưới thân phần 3	PA MONO d = 0,4mm		20 - 25
5	Đặt lưới	PE 380 ^D / _{3x3}		18 - 24
6	Chu vi miệng lưới	100 - 200 m	-	-
7	Trọng lượng chì	550 - 2.000 kg	-	-

Hệ số rút gọn ở miệng lưới: $U = 0,50$.

3.3. Kỹ thuật khai thác và mùa vụ khai thác

3.3.1. Kỹ thuật khai thác

Quy trình khai thác được thể hiện bằng sơ đồ trên Hình 3.



Hình 3. Sơ đồ quy trình khai thác

a. Chuẩn bị chuyển biển

Kiểm tra thiết bị hàng hải và khai thác, hệ thống ngư cụ trên tàu. Chuẩn bị phương tiện dụng cụ để sửa chữa những sự cố thông thường của thiết bị và ngư cụ.

b. Hành trình đến ngư trường

Trong quá trình di chuyển, thuyền trưởng phân công ca trực lái **trong quá trình tàu di chuyển** đến ngư trường đánh bắt chính.

c. Thăm dò tìm kiếm mực

Thông thường, ngư dân thường sử dụng máy dò đứng phát hiện gò nổi hoặc hố sâu **và căn cứ vào kinh nghiệm xác định ngư trường của những lần đánh bắt trước đây để xác định vị trí** tiến hành chong đèn và tập trung mực.

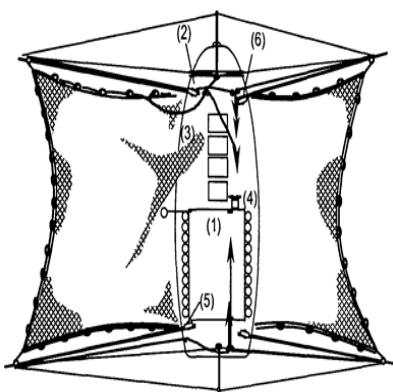
d. Thả đèn tập trung mực

Tàu đến ngư trường, tiến hành chiếu sáng để tập trung mực, thông thường thời gian **chiếu sáng** kéo dài từ 1 giờ đến 2 giờ. Trong quá trình này, tàu thường thả trôi với tốc độ khoảng 1 hải lý/giờ. **Để hạn chế tốc độ trôi của tàu, có thể sử dụng thêm “neo dừ”**.

e. Chuẩn bị thả lưới

** Căng lưới lên tầng gông*

Thủy thủ số (2), (5) và (6) có nhiệm vụ liên kết vòng khuyên vào đầu dây căng lưới và cố định bằng các chốt để mở. Thủy thủ đứng số (4) vận hành máy tời. Thủy thủ số 3 thả lưới và xử lý các sự cố nếu có (Hình 3).



Hình 3. Vị trí thao tác tàu lưới chụp mực

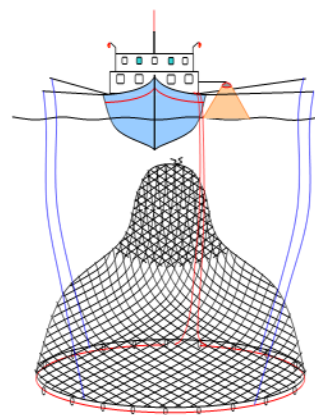
Ngoài ra, để áo lưới không bị mắc vào chân vịt trong quá trình chong đèn mỗi bên một vật nặng khoảng 5 kg ở vị trí liên kết đầu của tầng gông để giàng áo lưới xuống dưới lườn tàu.

** Điều chỉnh ánh sáng gom mực*

Sau khi thấy mực/cá tập trung dưới nguồn sáng đủ lớn, sẽ điều chỉnh nguồn sáng theo trình tự giảm dần **bằng cách tắt dần các bóng đèn**, cho đến khi chỉ còn bóng đèn gom mực (1 - 2) kW. Thời gian giữa hai lần tắt **dần từng bóng** đèn từ (1 - 2) phút.

f. Thả lưới

Khi có hiệu lệnh thả lưới, các thủy thủ số (2), (4), (5) và (6) đồng loạt giật chốt. Thủy thủ số (3) thả hết phần thịt lưới và dây giềng rút. Thời gian thả lưới khoảng từ (1-1,5) phút, mô phỏng lưới khi thả xong (Hình 4).



Hình 4. Mô phỏng lưới được thả xong

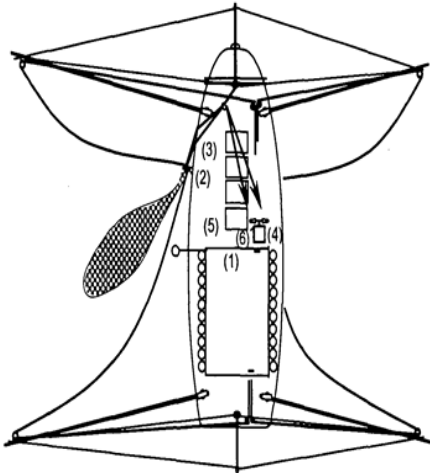
g. Thu lưới

** Thu giềng rút và hệ thống giềng chì*

Ngay sau khi lưới và giềng rút được thả hết xuống nước. Thủy thủ số (4) và (6) bắt 2 đầu giềng rút, quần qua tang tời và giềng rút được thu lên tàu cho đến khi toàn bộ hệ thống vòng khuyên, giềng chì được đưa lên tàu. Thủy thủ số (3) quan sát lưới và giềng chì, thủy thủ số (1), (2), (5) quan sát và giải quyết sự cố nếu có. Thời gian thu giềng rút khoảng từ (3 - 4) phút. Tốc độ thu dây của máy tời từ (0,9 - 1,2) m/s.

** Thu lưới*

Các thủy thủ số (2), (3), (4), (5) và (6) tập trung kéo lưới lên tàu. Lưới được thu đều từ miệng lưới đến đọt lưới (Hình 5).



Hình 5. Sơ đồ bố trí nhân lực lúc thu giềng rút

h. Lấy mực và bảo quản sản phẩm

Sản phẩm đánh bắt được để ráo nước, phân loại, phân cỡ, đựng trong các khay nhựa kín nước, mỗi khay từ 10 - 15 kg. Sau đó đưa khay mực xuống hầm chứa để bảo quản bằng đá xay, tránh để mực tiếp xúc trực tiếp với nước đá.

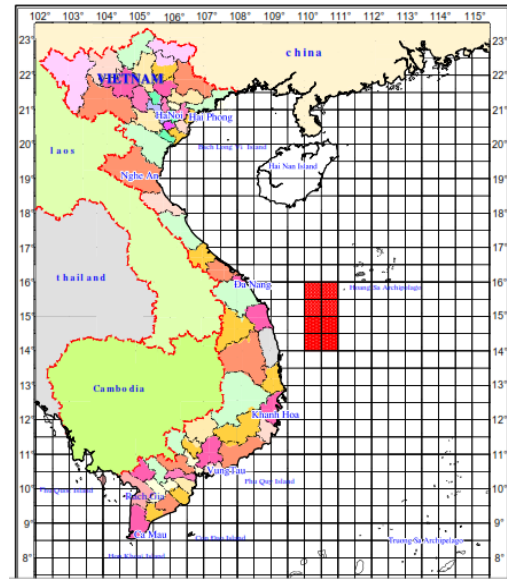
i. Chuẩn bị mẻ sau: Thời gian thao tác một mẻ lưới thường kéo dài từ 10 - 15 phút.

3.3.2. Mùa vụ khai thác

Tàu chụp mực sản xuất trên biển theo hình thức tổ đội sản xuất, hoạt động quanh năm ở ngư trường có độ sâu từ 60 - 700 m, gồm 2 mùa vụ:

- *Mùa chính:* Từ tháng 1 (âm lịch) đến tháng 7 (âm lịch), hoạt động ở tọa độ từ: 14°00'N - 16°00'N; 109°00'E - 110°00'E.

- *Mùa phụ:* Từ tháng 8 (âm lịch) đến tháng 12 (âm lịch), hoạt động chủ yếu ở tọa độ từ: 15°00'N - 16°00'N; 109°30'E - 110°30'E.



Hình 6. Ngư trường hoạt động của nghề chụp mực tỉnh Quảng Nam

3.3. Hiệu quả khai thác

3.3.1. Năng suất khai thác và thành phần sản lượng

Dựa trên kết quả điều tra sản lượng khai thác của các nhóm tàu chụp mực, cho thấy sản lượng khai thác trung bình trong 1 đêm của từng nhóm tàu được thể hiện trong bảng 5. Trong đó, thành phần sản lượng phân bố như sau: Cao nhất là nhóm cá mực, chiếm 43,2% sản lượng mẻ lưới; tiếp đến là nhóm mực com, chiếm 31,0% và mực ống, chiếm 30,6%.

Bảng 5. Thành phần sản lượng trên tàu chụp mực phân theo nhóm công suất tàu

Thành phần sản lượng (kg)	Nhóm công suất (cv)		
	90 - 249	250 - 399	≥ 400
Mực com	754,0	692,5	876,0
Mực ống	468,0	508,3	675,5
Cá mực	1.420,0	1.716,6	2.217,1
Cá ngừ	484,0	493,3	588,7
Cá xô	380,0	590,0	706,1
Tổng cộng	3.506,0	4.000,7	5.063,4
Năng suất khai thác trung bình (kg/mê)	292,2	333,4	422,0

Bảng 5 cho thấy, sản lượng khai thác của nghề chụp mực tăng theo chiều tăng công suất

tàu. Nhóm tàu từ 400 CV trở lên có năng suất khai thác trung bình **cao nhất** và đạt 422 kg/mẻ.

3.3.2. Hiệu quả kinh tế

Tàu chụm mực có chi phí trung bình mỗi chuyến biển dao động từ **82,5 - 155,3 triệu đồng**. Trong đó, chi phí nhiên liệu dầu cao nhất, chiếm 67,0%; tiếp đến là chi phí nhớt (11%), chi phí lương thực, chi phí bổ sung trang thiết bị và chi phí khác, thể hiện dưới Bảng 6.

Bảng 6. Chi phí sản xuất trung bình mỗi chuyến biển của tàu chụm mực phân theo nhóm công suất tàu

Thành phần chi phí (1.000 đồng)	Nhóm công suất (CV)		
	90 - 249	250 - 399	≥ 400
Nhiên liệu dầu Diesel 0,05S	53.480	56.700	107.559
Nhiên liệu nhớt	8.280	13.203	16.479
Nước đá	3.360	4.875	6.465
Lương thực	7.400	10.000	10.082
Chi phí bổ sung trang thiết bị	5.400	8.300	9.790
Chi phí khác	4.600	5.000	5.000
Tổng	82.520	98.078	155.375

Doanh thu trung bình dao động từ **182,089 - 257,432 triệu đồng/tàu/chuyến** và tăng dần theo chiều tăng công suất máy chính, được thể hiện chi tiết ở Bảng 7.

Bảng 7. Doanh thu và lợi nhuận của tàu chụm mực phân theo nhóm công suất

Hiệu quả khai thác (1.000 đồng)	Nhóm công suất (CV)		
	90 - 249	250 - 399	≥ 400
Doanh thu	182.089,7	202.318,5	257.432,5
Chi phí	82.520,0	98.078,0	155.375,0
Lợi nhuận	99.569,7	104.240,5	102.057,3

Lợi nhuận chuyến biển của tàu chụm mực tỉnh Quảng Nam tăng dần theo chiều tăng

công suất máy chính. **Lợi nhuận trung bình đạt 99,57 - 104,24 triệu đồng/tàu/chuyến.**

Trong một năm hoạt động khai thác (10 tháng/năm) thì lợi nhuận mùa vụ chính cao hơn mùa phụ khoảng 10 triệu đồng/tàu/chuyến. Nguyên nhân do chi phí nhiên liệu của mùa phụ tăng cao vì tàu thường xuyên di chuyển ngư trường để tránh thời tiết xấu. Như vậy, bình quân 1 năm hoạt động khai thác hải sản bằng nghề chụm mực, chủ tàu có lợi nhuận đạt được dao động từ **49,79 - 52,12 triệu đồng/tàu/năm** (hình thức phân chia tỷ lệ 50/50).

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

Tàu chụm mực xa bờ chiếm 10,6% tổng số tàu và đang có xu hướng phát triển mạnh cả về công suất máy và kích thước vỏ tàu.

Trang thiết bị nguồn sáng phục vụ khai thác đang có xu hướng tăng theo chiều tăng công suất tàu, nhiều tàu trang bị công suất lên đến 180 kW.

Tàu chụm mực hoạt động khai thác chủ yếu ở tọa độ từ 14°00'N - 16°00'N; 109°00'E - 110°30'E. Thời gian hoạt động khai thác khoảng 10 tháng/năm.

Tùy theo công suất máy chính của tàu, năng suất khai thác trung bình đạt **292,2 - 422 kg/tàu/mẻ**. Đối tượng khai thác chủ yếu là cá nục (43,2%) và mực các loại (31,0%). Lợi nhuận đạt khoảng **99,569 - 104,24 triệu đồng/tàu/chuyến.**

4.2. Kiến nghị

Ứng dụng công nghệ ánh sáng đèn LED nhằm giảm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả khai thác trên tàu chụm mực xa bờ tỉnh Quảng Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Nam, tháng 12 năm 2017. Báo cáo thống kê tàu cá tỉnh Quảng Nam.